

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **190/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-8-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Đổi;
2. Ông Nguyễn Chí Lin;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 823/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1947.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông Đ có mặt, bà H có đề nghị vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày: Ông Đ và bà H chung sống như vợ chồng từ năm 1975 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 1983 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường gây gổ, cãi nhau. Ông Đ đã ly thân bà H từ năm 1983 đến nay và ông Đ đã có vợ khác. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Ông Huỳnh Văn Đ yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh năm 1979 (đã chết ngày 22/02/2018).

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Tại bản tự khai ngày 06/8/2018, bà H có ý kiến thống nhất về thời gian chung sống với ông Đ và vợ chồng không đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tình trạng ly thân như ông Đ đã trình bày là đúng, ông Đ xin ly hôn bà H đồng ý. Đối với con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh năm 1979 đã trưởng thành (đã chết năm 2018) nên đặt ra giải quyết. Về tài sản, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H do đang điều trị bệnh không thể đến Tòa án nên có đề nghị xét xử vắng mặt. Trước đề nghị của bà Nguyễn Thị H, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Huỳnh Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2]. Về tố tụng:* Xét bà Nguyễn Thị H có đề nghị xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[3]. Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H: Ông Đ cho rằng ông Đ và bà H chung sống như vợ chồng từ năm 1975, không có đăng ký kết hôn. Việc ông Đ trình bày chung sống với bà H từ năm 1975 không có gì chứng minh nhưng được bà H thừa nhận và giữa ông Đ với bà H có 01 con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh năm 1979 (đã chết năm 2018). Từ đó, Tòa án có căn cứ xác định giữa ông Đ và bà H đã chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo qui định tại điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì hôn nhân giữa bà ông Huỳnh Văn Đ với bà Nguyễn Thị H được xác lập trước ngày 03/01/1987 là còn tồn tại luan hệ hôn nhân thực tế và hợp pháp nên yêu cầu ly hôn của ông Đ được Tòa án xem xét giải quyết theo qui định luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà H: Ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm nên thường xuyên gây cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 1983 đến nay và cương quyết ly hôn. Đối với bà H thừa nhận đã ly thân với với ông Đ từ năm 1983 đến nay nên tình nghĩa vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn. Từ đó, HĐXX xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc thuận tình ly hôn

giữa ông Đ và bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do bà H vắng mặt và ông Đ và bà H không thực hiện đăng ký kết hôn nên theo qui định tại điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nên HĐXX không có căn cứ công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà H.

[3.2]. Về con chung: Ông Đ và bà H thống nhất có một con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh năm 1979 (đã chết ngày 22/02/2018 ).

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hôn.\

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Huỳnh Văn Đ với bà Nguyễn Thị H

Ông Huỳnh Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh năm 1979 (đã trưởng thành và đã chết).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn Đ với bà Nguyễn Thị H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Huỳnh Văn Đ thuộc trường hợp được miễn án phí nên không đề cập.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, xã T (đề biệt);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**